

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuyênân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Chúc D (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP A, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Chúc D trình bày:

Bà và ông Trần Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và giáo dục, chăm sóc con chung nên thường xuyên cự cãi, khiến hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại bà và ông B cũng đã ly thân, không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà làm đơn này yêu cầu ly hôn

với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhã U (nữ), sinh ngày 03/10/2017. Khi vợ chồng ly thân thì cháu U do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu U đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Bên bản lấy lời khai ngày 28/7/2020, bà đồng ý giao cháu U cho ông B nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi sau khi vợ chồng ly hôn và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Trần Văn B trình bày ý kiến tại Bên bản ghi lời khai ngày 27/7/2020 như sau: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Chúc D. Ông đồng ý ly hôn với bà D, do vợ chồng hiện tại cũng đã ly thân, không còn tình cảm, không hàn gắn được.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhã U (nữ), sinh ngày 03/10/2017. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu U đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát Bêu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Chúc D được ly hôn với ông Trần Văn B; Về con chung: Giao cháu Trần Nhã U (nữ), sinh ngày 03/10/2017 cho ông B nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà D chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Chúc D và ông Trần Văn B do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn B, nguyên đơn bà Bùi Chúc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông B, bà D.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà D và ông B tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà D và ông B phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và giáo dục, chăm sóc con chung nên thường xuyên cự cãi, khiến hôn nhân không còn hạnh phúc. Đối với ông B cũng đồng ý ly hôn với bà D, do vợ chồng hiện tại cũng đã ly thân, không còn tình cảm, không hàn gắn được. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có Bện pháp nào giải quyết mâu thuẫn và hiện bà D và ông B cũng đã thống nhất ly hôn. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông B.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông B có 01 con chung là cháu Trần Nhã U (nữ), sinh ngày 03/10/2017, hiện tại đang sống chung với bà D. Bà D và ông B thống nhất giao cháu U cho ông B nuôi dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu U nên giao cháu cho ông B nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông B chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà D chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà D cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Bùi Chúc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

TU xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Chúc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Chúc D được ly hôn với ông Trần Văn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 27/9/2017 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà D và ông B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhã U (nữ), sinh ngày 03/10/2017 cho ông Trần Văn B nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Bùi Chúc D chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Chúc D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Bên lai số 0003845 ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên